

Bản án số: 49/2024/HS-PT
Ngày 16 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trung Thực và bà Nguyễn Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:***
Ông Hoàng Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2024/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 47/2024/HSST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

- ***Bị cáo có kháng cáo:***

1. Họ và tên: Nguyễn Đức K. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 1969. Nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 11/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Nguyễn Đức T1 (đã chết). Con bà: Phạm Thị Đ, sinh năm 1927. Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu. Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1971. Bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/05/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, xử phạt 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội “*Tổ chức đánh bạc và gá bạc*”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố H. (*có mặt*).

2. Họ và tên: Dương Anh T. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Sinh năm 2002. Nơi cư trú: thôn P, xã Đ, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 10/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Ngày 19/7/2017, được Chủ tịch UBND tỉnh H tặng Bằng khen do có thành tích xuất sắc đạt Huy chương Vàng môn Taekwondo tại giải vô địch Đông Nam Á lần thứ 13 năm 2017 tại Malaysia. Con ông Dương Văn Đ1, sinh năm 1979. Con bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1981. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất. Vợ là Đặng Phương T3, sinh năm 2000. Bị cáo có

01 con, sinh năm 2018. (Tại phiên tòa bị cáo T khai, có thêm 01 con nhỏ sinh ngày 19/01/2024). Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố H. (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Á, xã B, huyện Á, tỉnh Hưng Yên; (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Chị Nguyễn Thị H1 sinh năm 1989; địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Á, tỉnh Hưng Yên; (có mặt).

- Chị Lý Thanh T4, sinh ngày 28/9/2007; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Yên Bái; (vắng mặt).

- Chị Ngô Thị X, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn P, xã T, huyện M, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1982; địa chỉ: thôn Á, xã B, huyện Á, tỉnh Hưng Yên; (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Đình T5, sinh năm 2000; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; (vắng mặt).

- Anh Vũ Chung Đ2, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Á, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 23 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, tại Phòng VIP 9999, tầng 2 quán K1, địa chỉ tại Khu dân cư L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Tổ công tác Công an thành phố H tiến hành kiểm tra, phát hiện Nguyễn Đức K; Nguyễn Văn H2; Nguyễn Thị H1; Dương Anh T; Nguyễn Đức C; Lò Thị T6; Lý Thanh T4; Ngô Thị X, đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. *Vật chứng thu giữ:* Tại vị trí bàn uống nước thẳng cửa ra vào Phòng VIP 9999 có 01 đĩa sứ màu trắng (đường kính 27,5cm) bên trên mặt đĩa có chất màu trắng dạng tinh thể; 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng được cuộn thành hình ống hút, có định bằng đầu lọc thuốc lá, trên ống hút có bám dính chất màu trắng dạng tinh thể; 01 thẻ cứng màu tím, có chữ Motiva, trên mặt thẻ có bám dính chất màu trắng dạng tinh thể; 01 bật lửa gas màu đỏ; tại túi áo khoác phía ngoài bên trái của Nguyễn Đức K 01 hộp nhựa hình tròn, màu trắng, nắp màu vàng có chữ nước ngoài, bên trong có 01 mảnh giấy, loại giấy lau, chất rắn màu trắng dạng tinh thể; 01 điện thoại, nhãn hiệu Sam sung Galaxy A54, màu đen; 01 điện thoại, nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu trắng; 01 điện thoại, nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu đen; 01 điện thoại, nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen; 01 xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Vios, màu trắng, biển kiểm soát: 89A - 35154.

Quá trình điều tra xác định: Khoảng 20 giờ 30 ngày 16/12/2023, Nguyễn Đức K gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H2 nói về việc được người quen cho ma túy nên H2 nói để H2 rủ thêm người đi sử dụng ma túy. H2 nhắn tin, gọi điện cho Dương Anh T rủ đi chơi ma túy thì T đồng ý, H2 còn rủ thêm Nguyễn Thị H1 (là vợ của H2) đi cùng. H2 tiếp tục gọi điện thuê xe của Nguyễn Đức C, là lái xe taxi chở nhóm H2 xuống thành phố H để tìm quán hát. Cảnh sử dụng xe ô tô BKS: 89A-35154 đến đón H2, H1, K và T. Khi đi K mang theo 01 lọ nhựa hình tròn, màu trắng, nắp màu vàng, bên trong có 01 gói giấy, chứa chất rắn dạng tinh thể ma túy “Ke” và 01 túi nilon, bên trong có 01 gói giấy, chứa 02 viên nén, hình vuông, màu vàng ma túy “Kẹo” và chất dạng tinh thể màu trắng ma túy “Ke” được K để trong túi áo khoác. Khi đến nhà T do C mệt và buồn ngủ nên sang ghế phụ ngồi, còn K lên điều khiển xe. Quá trình điều khiển xe Khoái mở lọ nhựa ra lấy 01 túi nilon, bên trong có 01 gói giấy, chứa 02 viên nén ma túy “Kẹo” và chất dạng tinh thể màu trắng ma túy “Ke” đưa cho H2, còn lại 01 gói giấy, chứa chất rắn dạng tinh thể ma túy “Ke”, K vẫn để trong lọ nhựa và cất lại vào túi áo khoác. Do đã sử dụng ma túy nên H2 biết 02 viên nén và chất dạng tinh thể màu trắng là ma túy tổng hợp, thường gọi là “Kẹo” và “Ke”. H2 đã chia 02 viên ma túy “Kẹo” đưa cho T 01 viên, K, H1 mỗi người 1/2 viên, đã sử dụng hết trên đường đi. H2 tiếp tục gọi điện cho Nguyễn Văn C1 là chủ quán K1 để đặt phòng hát. Khoảng 22 giờ khi đến quán hát, H2 rủ C lên hát cùng mọi người thì C đồng ý. Khoái, H2, T, C, H1 được nhân viên của quán là Nguyễn Đình T5 và Vũ Chung Đ2 xếp hát ở Phòng Vip 9999, tầng hai. Lúc này H2 nói với Đ2 điều 03 nhân viên lên phòng hát để phục vụ. Đ2 báo lại cho T5 lần lượt điều Lò Thị T6; Lý Thanh T4 và Ngô Thị X đến. Khi thấy T6 vào phòng, T bảo T6 đi lấy đĩa sứ để chuẩn bị cho việc sử dụng ma túy thì T6 hiểu ý T bảo đi chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy nên T6 đi xuống quầy lễ tân tầng 1 thì gặp T5 đang ngồi sử dụng điện thoại, T6 nói “*Anh ơi khách bảo lấy đĩa*”, T5 nói “*Đĩa ở kia kia*” rồi chỉ về phía sau. T6 lấy 01 đĩa sứ màu trắng, 01 thẻ cứng màu tím và 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng đã được cuộn sẵn thành ống hút đem lên Phòng hát Vip 9999 đặt lên bàn phía trước mặt T đang ngồi. Khi thấy H2 đi từ trong nhà vệ sinh ra T nói “*Anh ơi đĩa này*”, H2 đã đổ hết ma túy “Ke” mà K đưa trước đó ra đĩa và lấy 01 bật lửa có sẵn trong phòng hát để hơi nóng phần dưới của đĩa sứ, sử dụng thẻ cứng miết vào phần ma túy “Ke”, chia một phần ma túy “Ke” ra làm 03 đường thẳng trên đĩa và bẻ đĩa, đưa ống hút cho K sử dụng đầu tiên, rồi để đĩa ma túy trên bàn, ai muốn sử dụng sẽ ra dùng ống hút hút một đường “Ke”. Sau đó tất cả mọi người trong phòng hát đều sử dụng ma túy, trong đó: K sử dụng 02 đường, H2 02 đường, T 02 đường, T6 04 đường, C 02 đường, H1 01 đường, T4 01 đường, X 01 đường. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày khi các bị cáo đang sử dụng ma túy thì bị lực lượng Công an thành phố H kiểm tra, phát hiện, lập biên bản vụ việc, thu giữ vật chứng, niêm phong theo quy định.

Kết quả kiểm tra nhanh chất ma túy, xác định tình trạng nghiện ma túy của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H và Trung tâm y tế thành phố - Sở Y ngày 17 và 18/12/2023 đối với Nguyễn Đức K, Nguyễn Văn H2,

Nguyễn Thị H1, Dương Anh T, Nguyễn Đức C, Lò Thị T6, Lý Thanh T4, Ngô Thị X, xác định: Điều có sử dụng chất ma túy nhưng không nghiện ma túy; dương tính với các loại ma túy Amphetamine; Methamphetamine, Ketamine.

Ngày 17/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đức K tại thôn Đ, xã Q, huyện A, tỉnh Hưng Yên. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình kiểm tra điện thoại của Nguyễn Văn H2, xác định: H2 có sử dụng điện thoại nhắn tin, gọi điện cho Nguyễn Đức K, Dương Anh T để rủ đi sử dụng trái phép chất ma túy.

Kết luận giám định số 51/KL-KTHS(MT) ngày 20/12/2023 của Phòng K2 - Công an tỉnh H, kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng bám dính trong 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; trên 01 thẻ cứng màu tím, có chữ Motiva; trên 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M1, không xác định được khối lượng, là ma túy loại Ketamine. Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M2 có khối lượng 1,325g, là ma túy, loại Ketamine. Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong niêm phong ký hiệu M3, có khối lượng 0,047g, là ma túy, loại Ketamine. H3 lại trong một niêm phong ghi số 51/KL-KTHS(MT), bên trong có 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng; 01 thẻ cứng màu tím có chữ Motiva; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng trong niêm phong ghi ký hiệu M1; 1,288g ma túy, loại Ketamine trong niêm phong ghi ký hiệu M2; 0,038 gam ma túy, loại Ketamine trong niêm phong ghi ký hiệu M3; 01 lọ nhựa; mảnh giấy và các vỏ túi nilon gói ma túy và 03 vỏ niêm phong mẫu vật gửi giám định.

Đối với nguồn gốc số ma túy: Quá trình điều tra Nguyễn Đức K khai được người quen tên T7, không rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, nhà ở Nghệ An cho, việc cho ma túy không có ai biết, chứng kiến nên Cơ quan điều tra không xác minh được người tên T7 là ai nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Đối với Nguyễn Đức C và chiếc xe ô tô BKS 89A - 35154: Quá trình điều tra, xác định tối ngày 16/12/2023, Nguyễn Văn H2 gọi điện thoại cho C nói “*Có đi đâu không chở em ra đây có việc*”, do làm nghề lái xe taxi nên C đồng ý. C điều khiển xe ô tô BKS 89A - 35154 của mình đến đón H2, trên đường đi, H2 nói đi xuống thành phố H để tìm quán hát. Khi đến đón T, do mệt và buồn ngủ nên C chuyển sang ghế phụ ngồi, ngủ, còn K lên điều khiển xe nên C không biết việc K đưa ma túy “Kẹo” cho H2 và H2 chia ma túy cho K, T, H1. Khi đến quán K1, C đi ăn, cất xe sau đó mới lên phòng hát. Khi vào phòng thì thấy mọi người đang sử dụng ma túy, lúc này C mới biết K, H2, H1, T đến quán hát để sử dụng ma túy nên đã sử dụng cùng nên không có căn cứ để xác định C đồng phạm.

Đối với Nguyễn Đình T5: Quá trình điều tra Lò Thị T6 khai sau khi Dương Anh T bảo T6 đi lấy đĩa sứ, T6 đi xuống quây lễ tân thì gặp T5 và nói “*Anh ơi khách bảo lấy đĩa*”, T5 chỉ cho T6 01 đĩa sứ ở phía sau chỗ T5 đang ngồi và nói “*Đĩa ở kia kia*”. T6 ra lấy đĩa, quay lại chỗ T5 thì T5 lấy trong

ngăn kéo ở quầy lễ tân ra 01 chiếc thẻ cứng và 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng đưa cho T6. T5 xác nhận có nội dung T6 xuống nói “*Anh ơi khách bảo lấy đĩa*”, T5 nghĩ khách muốn đổi đĩa hoa quả trên phòng hát nên đã chỉ cho T6 01 đĩa sứ ở phía sau và nói “*Đĩa ở kia kia*” và tiếp tục sử dụng điện thoại, không biết việc T6 lấy đĩa, thẻ cứng và ống hút lên phòng hát để khách sử dụng ma túy. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T5 và T6 đối chất nhưng T5 vẫn khẳng định, không biết việc T6 lấy đĩa, thẻ và ống hút cho khách sử dụng ma túy nên không có căn cứ xác định T5 đồng phạm.

Đối với Nguyễn Thị H1: Quá trình điều tra xác định, tối ngày 16/12/2023 H1 được chồng là Nguyễn Văn H2 rủ đi hát tại thành phố H, trên đường đi và tại phòng hát thì H1 mới biết H2 rủ H1 đi hát để sử dụng ma túy nên mới sử dụng ma túy cùng các bị cáo. H1 không có hành vi giúp sức, chuẩn bị công cụ, phương tiện cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên không có căn cứ xác định H1 đồng phạm.

Đối với Lý Thanh T4 và Ngô Thị X: Quá trình điều tra xác định, tối ngày 16/12/2023 T4 và X được Nguyễn Đình T5 là nhân viên của quán hát điều đến phòng hát để phục vụ, quá trình hát T4 và X mới biết các bị cáo sử dụng ma túy nên đã sử dụng ma túy cùng nên không có căn cứ để xử lý với vai trò đồng phạm

Ngày 23/01/2024, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Đức K, Nguyễn Văn H2, Dương Anh T, Lò Thị T6, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Đức C, Lý Thanh T4, Ngô Thị X về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với hành vi tàng trữ 0,047g ma túy, loại Ketamine đã thu giữ tại túi áo khoác của Nguyễn Đức K. Quá trình điều tra xác định: Sau khi đưa 01 túi nilon, bên trong có 02 viên nén ma túy “Kẹo” và chất dạng tinh thể màu trắng ma túy “Ke” cho T thì trong lọ nhựa của K vẫn còn 01 gói giấy, chứa chất rắn dạng tinh thể ma túy “Ke”, K giữ lại với mục đích để sử dụng. Do trọng lượng ma túy Khoái tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nên ngày 23/01/2024, Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với K.

Đối với Nguyễn Văn C1 và Vũ Chung Đ2: Quá trình điều tra, xác định trong quá trình quản lý và phục vụ khách hàng, khi được Nguyễn Văn H2 thuê phòng hát, C1 và Đ2 đã sắp xếp cho các bị cáo hát tại Phòng Vip 9999, tầng hai của quán. C1, Đ2 không biết các bị cáo thuê phòng hát để sử dụng trái phép chất ma túy nên không có căn cứ để xử lý đối với vai trò đồng phạm. Đối với C1, ngày 23/01/2023 Ủy ban nhân dân thành phố H ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, về hành vi “Người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke để xảy ra hoạt động tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy trong khu vực do mình quản lý theo quy định.

Ngày 23/01/202 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã trả lại anh Nguyễn Đức C: 01 xe ô tô, nhãn hiệu Toyota Vios, màu trắng, biển kiểm soát 89A - 35154.

Tại bản án số 47/2024/HSST ngày 17/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T. Căn cứ điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Dương Anh T.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T đều phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức K 07 (*bảy*) năm 02 (*hai*) tháng tù, tính từ ngày 18/12/2023.

Xử phạt: Bị cáo Dương Anh T 07 (*bảy*) năm tù, tính từ ngày 18/12/2023.

Ngoài ra bản án còn áp dụng điều luật, quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn L (tức C2), Hồ Thị T8 (tức T4) quyết định về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/7/2024 các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T thành khẩn khai nhận ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Gia đình bị cáo K xuất trình 01 bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh H tặng bị cáo do có thành tích xuất sắc trong công tác; vợ bị cáo T là Đặng Phương T3 nộp đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn, con nhỏ và xin giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của chính quyền địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vị trí vai trò, nhân thân của các bị cáo, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức K và Dương Anh T, sửa bản án sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên theo hướng giảm cho bị cáo Nguyễn Đức K từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù, giảm cho bị cáo Dương Anh T từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T được làm trong thời hạn do pháp luật quy định là hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và lời khai trước cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của đồng phạm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đồng thời phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. HĐXX phúc thẩm đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 30 phút đến 23 giờ 30 phút ngày 16/12/2023, Nguyễn Đức K đã gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H2 trao đổi về việc K được người quen cho ma túy nên H2 đã khởi xướng việc sử dụng ma túy và rủ thêm người sử dụng ma túy. H2 đã rủ Nguyễn Thị H1 (là vợ) và Dương Anh T cùng đi sử dụng ma túy. Sau đó, H2 gọi điện cho lái xe taxi Dương Văn C3 để chở xuống địa bàn thành phố H tìm quán hát mục đích để sử dụng ma túy. Trên đường đi, K đã đưa cho H2 túi nilon chứa 02 viên nén màu vàng hình vuông và chất bột màu trắng, H2 bẻ 02 viên kẹo chia 3 phần đưa cho K, H1 và T sử dụng trên xe. Tại phòng Vip 9999 tầng 2, quán K1, địa chỉ tại khu dân cư L, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên, H2 đã yêu cầu 03 nhân viên quán lên phục vụ gồm Lò Thị T6, Lý Thanh T4, Ngô Thị X. T bảo T6 đi lấy đĩa để sử dụng ma túy. T6 hiểu ý đi lấy đĩa, thẻ cứng và ống hút lên phòng. Khi tất cả các đối tượng cùng nhau sử dụng thì bị công an phát hiện thu giữ 1,325g ma túy, loại Ketamine chưa sử dụng hết.

Bởi hành vi trên, các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với ma túy. Các bị cáo nhận thức được hành vi mình đã thực hiện là vi phạm pháp luật đồng thời cũng nhận thức rõ tác hại của ma túy cũng như hệ lụy của việc sử dụng ma túy để lại cho bản thân, gia đình và xã hội nhưng các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, vai trò của các bị cáo trong vụ án; áp dụng đầy đủ, chính xác tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo là cần thiết và tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, xét quá trình điều tra và tại các phiên tòa sơ, phúc thẩm, các bị cáo K, T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của

bản thân, các bị cáo phạm tội mang tính chất giản đơn và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo T phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo K xuất trình Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh H tặng bị cáo, vợ bị cáo T xuất trình đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ và xin giảm nhẹ cho bị cáo T có xác nhận của chính quyền địa phương. Nên bị cáo K được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo theo hướng áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt như quan điểm đề nghị của đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 343; điểm b khoản 1; khoản 2 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đức K và Dương Anh T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 47/2024/HSST ngày 17/6/2024 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hưng Yên đối với các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T như sau:

Căn cứ: Điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T. Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Dương Anh T.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T đều phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt: Nguyễn Đức K và Dương Anh T mỗi bị cáo 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù đều tính từ ngày 18/12/2023.

[2]. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Đức K, Dương Anh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng PC10-CA tỉnh Hưng Yên;
- TAND, VKSND, CA TP. Hưng Yên
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HC; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Kiên